

TRƯỜNG TIỂU HỌC HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Quận 1, ngày 12 tháng 04 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT- BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính : đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Q1/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (%)	Ước thực hiện quý / Cùng kỳ năm trước (%)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	8.374.117.000	2.791.733.267	33,34%	147%
I	Số thu phí lệ phí	8.374.117.000	2.791.733.267	33,34%	147%
1	Thu học phí	0	0		
2	Thu sự nghiệp khác	8.374.117.000	2.791.733.267	33,34%	147%
	Tiền thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán t	144.000.000	2.800.000	2%	467%
	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi /ngày	111.375.000	65.175.000	59%	35%
	Tiền tổ chức phục vụ,quản lý và vệ sinh bán	2.394.000.000	824.250.000	34%	88%
	Tiền tổ chức dạy tiếng Anh tăng cường	385.560.000	115.300.000	30%	77%
	Tiền tổ chức lớp Tin học tự chọn	36.000.000	20.475.000	57%	28%
	Tiền tổ chức lớp Tin học tăng cường	357.000.000	108.360.000	30%	122%
	Tiền tổ chức lớp CLB năng khiếu	672.000.000	225.480.000	34%	99%
	Tiền TC GD Kỹ năng sống	460.800.000	147.000.000	32%	826%
	Tiền TC học ngoại ngữ với người nước ngoài	878.475.000	272.498.000	31%	144%
	TC học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	264.000.000	87.750.000	33%	337%
	Tổ chức giáo dục Stem	468.000.000	172.810.000	0%	0%
	Tổ chức học ngoại ngữ thông qua toán khoa	654.400.000	209.750.000	0%	0%
	Tiếng Anh Tích hợp	1.543.147.000	537.430.950	35%	4147%
	Lãi tiền gửi ngân hàng	5.360.000	2.654.317	50%	196%
II	Chi từ nguồn thu được để lại	8.374.117.000	1.883.211.820	22%	115%
1	Chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo	8.374.117.000	1.883.211.820	22%	115%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.374.117.000	1.883.211.820	22,5%	115%

	Tiền thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán t	144.000.000	5.844.000	4%	0%
	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi /ngày	111.375.000	33.330.000	29,9%	18%
	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán	2.394.000.000	806.519.952	34%	98%
	Tiền tổ chức dạy tiếng Anh tăng cường	385.560.000	84.773.004	22,0%	87%
	Tiền tổ chức lớp Tin học tự chọn	36.000.000	-	0,0%	0%
	Tiền tổ chức lớp Tin học tăng cường	357.000.000	31.832.562	8,9%	97%
	Tiền tổ chức lớp CLB năng khiếu	672.000.000	194.627.096	29,0%	140%
	Tiền TC GD Kỹ năng sống	460.800.000	92.991.200	20%	979%
	Tiền TC học ngoại ngữ với người nước ngoài	878.475.000	157.251.400	18%	199%
	TC học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	264.000.000	59.704.000	23%	208%
	Tổ chức giáo dục Stem	468.000.000	108.868.738	23%	0%
	Tổ chức học ngoại ngữ thông qua toán khoa	654.400.000	144.710.000	22%	0%
	Tiếng Anh Tích hợp	1.543.147.000	162.679.868	11%	88%
	Lãi tiền gửi ngân hàng	5.360.000	80.000	1,5%	13%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	-	0%	0%
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.401.361.000	2.031.435.854	16%	122%
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.401.361.000	2.031.435.854	16%	122%
1	Chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo	12.401.361.000	2.031.435.854	16%	122%
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.702.759.000	1.709.197.168	22%	103%
	Lương theo ngạch, bậc		843.886.833		105%
	Phụ cấp chức vụ		12.069.000		101%
	Phụ cấp ưu đãi nghề		289.735.590		103%
	Phụ cấp theo nghề, theo công việc		447.000		10%
	Phụ cấp TNVK; NTN		162.517.014		92%
	Bảo hiểm xã hội		178.350.085		103%
	Bảo hiểm y tế		30.574.300		103%
	Kinh phí công đoàn		20.382.866		103%
	Bảo hiểm thất nghiệp		10.191.434		103%
	Chi khác		88.870.500		101%
	Khoản công tác phí		6.000.000		133%
	Thuê lao động trong nước		66.172.546		120%
1.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Nguồn 14)	738.266.000	322.238.686	44%	0%
	Lương theo ngạch, bậc		175.573.771		
	Phụ cấp chức vụ		2.511.000		
	Phụ cấp ưu đãi nghề		60.280.561		

	Phụ cấp theo nghề, theo công việc		93.000		
	Phụ cấp TNVK; NTN		33.812.264		
	Bảo hiểm xã hội		37.106.394		
	Bảo hiểm y tế		6.361.096		
	Kinh phí công đoàn		4.240.731		
	Bảo hiểm thất nghiệp		2.120.366		
	Chi khác		139.503		
1.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (N 14)	3.732.634.000	-	0%	0%
1.4	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (N 12)	227.702.000	-	0%	0%
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

C. Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý 1 năm 2024:

I. Tổng thu sự nghiệp ước thực hiện trong quý 1/2024 là: 2.791.733.267 đồng; đạt 33,34% so với dự toán giao đầu năm và đạt 147% so với ước thực hiện cùng kỳ năm trước (NH 2023-2024 có tổ chức giáo dục Stem và học NN thông qua môn Toán khoa)

II. Tổng chi ngân sách ước thực hiện trong quý 1/2024 là: 3.914.647.674 đồng; đạt 18,84% so với dự toán giao đầu năm và đạt 118,6% so với ước thực hiện cùng kỳ năm trước. Trong đó:

1. Chi từ nguồn thu được để lại: Ước thực hiện số tiền là: 1.883.211.820 đồng; đạt 22% so với dự toán đầu năm và đạt 115% so với cùng kỳ năm trước.

2. Chi từ nguồn ngân sách nhà nước: Ước thực hiện 2.031.435.854 đồng đạt 16% so với dự toán giao đầu năm và đạt 122% so với cùng kỳ năm trước trong đó:

2.1. Chi từ Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Nguồn 13): Ước thực hiện 1.709.197.168 đồng; đạt 22% so với dự toán giao đầu năm và đạt 103% so với cùng kỳ năm trước do thêm 1 Phó hiệu trưởng (từ T9/2023) .

2.2. Chi từ Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Nguồn 14): Ước thực hiện 322.238.686 đồng đạt 44% so với dự toán đầu năm. năm trước thì không chi từ nguồn này do chưa tăng lương cơ sở

2.3 Chi từ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nguồn 14): Chưa chi thu nhập tăng thêm theo NQ08 của Q1/2024

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Thúy



HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Thị Kim Quý